

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2024/DS-ST.

Ngày: 07/5/2024.

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng
thế chấp”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG-TỈNH HẢI DƯƠNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Nhan.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Hà Thị Thúy, bà Nguyễn Thị Bích Nga.
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Phạm Hồng Quỳnh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 179/2023/TLST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2024/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 3 năm 2023, quyết định hoãn phiên tòa số 35/2024/QĐST-DS ngày 12/4/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng X**; Địa chỉ: Tòa nhà N04 A, phường A1, quận A2, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quốc C – Chủ tịch hội đồng quản trị. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Văn C1 – Giám đốc ngân hàng X – Chi nhánh Hải Dương; Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Đình C2 – Phó giám đốc Ngân hàng X – Chi nhánh Hải Dương. Địa chỉ: Số 185, phường B, thành phố HD. Có mặt.

- Bị đơn: Anh **Lê Văn Q**, sinh năm 1986; Chị **Trần Thị N**, sinh năm 1987; Địa chỉ: Thôn V, xã V1, huyện V2, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn trình bày: Ngày 26/9/2016, Ngân hàng X – Chi nhánh Hải Dương và anh Lê Văn Q, chị Trần Thị N ký kết Hợp đồng tín dụng số 28/HĐTD với nội dung anh Q, chị N vay của ngân hàng số tiền 1.000.000.000 đồng; Mục đích vay bù đắp tiền xây nhà ở; Thời hạn vay 60 tháng, lãi suất vay ban đầu 0,92%/tháng, có điều chỉnh trong quá trình vay. Lãi suất quá

hạn bằng 150% lãi vay trong hạn. Ngày 26/9/2016, Ngân hàng đã giải ngân cho anh Q, chị N số tiền trên. Sau khi giải ngân, Ngân hàng đã kiểm tra xác định anh Q, chị N sử dụng tiền vay đúng mục đích.

Quá trình thực hiện hợp đồng, anh Q, chị N đã trả được 213.000.000đ tiền gốc và trả được số tiền lãi 36.800.000đ sau đó không chấp hành việc trả nợ vi phạm nội dung thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng. Ngân hàng đã chuyển nợ quá hạn từ ngày 26/12/2018. Tạm tính đến ngày 07/5/2024, anh Q, chị N còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 1.562.367.746đ, trong đó nợ gốc là 787.000.000đ, lãi trong hạn là 390.745.542đ, lãi quá hạn là 384.622.204đ.

Để đảm bảo cho khoản vay anh Q, chị N đã thế chấp tài sản là Quyền sử dụng diện tích 228m² đất ở nông thôn và tài sản gắn liền với đất là 02 nhà ở 01 tầng, diện tích 23m² và 81,4m² tại thửa đất số: 65, tờ bản đồ số: 25, địa chỉ: Thôn V, xã V1, huyện V2, tỉnh Hải Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC334434, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 00644 do UBND huyện V2, tỉnh Hải Dương cấp ngày 16/9/2016 cho anh Lê Văn Q và chị Trần Thị N.

Tài sản này được thế chấp tại Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 28/HĐTC ngày 26/9/2016, đã được công chứng số 1340/2018/HĐTC, quyển số 01/2016TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng Bình Minh công chứng ngày 26/9/2016. Được đăng ký thế chấp tại văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất UBND huyện V2, tỉnh Hải Dương ngày 26/9/2016. Việc thế chấp và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật. Tài sản trên thuộc quyền quản lý, sử dụng và sở hữu của anh Q, chị N, không liên quan đến ai. Khi các bên ký kết hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp hoàn toàn tự nguyện. Tính từ thời điểm thế chấp đến nay tài sản bảo đảm không có gì thay đổi kết cấu và không có tranh chấp với ai, không cho ai thuê mượn.

Đến nay Ngân hàng giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án buộc anh Lê Văn Q và chị Trần Thị N phải thanh toán cho Ngân hàng X số tiền tạm tính đến ngày 07/5/2024 là 1.562.367.746đ, trong đó nợ gốc là 787.000.000đ, lãi trong hạn là 390.745.542đ, lãi quá hạn là 384.622.204đ và phải tiếp tục chịu số tiền lãi phát sinh cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ tại Ngân hàng. Trường hợp anh Q, chị N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, đề nghị tuyên Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ. Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ cho anh Q, chị N với Ngân hàng. Trường hợp số tiền thu được từ xử lý tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán hết nợ thì anh Q, chị N vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng. Số tiền còn thừa được trả lại cho anh Q, chị N.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Văn Q không đến Tòa án làm việc và không gửi văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại biên bản lấy lời khai bị đơn chị Trần Thị N xác định: Chị và anh Q có ký kết hợp đồng tín dụng thống nhất như phần trình bày của Ngân hàng. Quá trình thực hiện hợp đồng mới trả được 213.000.000đ tiền gốc sau đó do làm ăn khó khăn

không có khả năng trả nợ. Nhất trí về việc Ngân hàng xác định số tiền gốc, lãi còn lại. Để đảm bảo cho khoản vay chị và anh Q đã thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 65, tờ bản đồ số: 25, địa chỉ: Thôn V, xã V1, huyện V2, tỉnh Hải Dương. Chị xác định tài sản trên thuộc quyền quản lý, sử dụng, sở hữu của chị và anh Q, quá trình sử dụng không có tranh chấp với ai cũng như các hộ xung quanh. Từ khi thế chấp đến nay không xây dựng sửa chữa gì thêm. Chị xác định việc ký hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp là hoàn toàn tự nguyện. Chị nhất trí với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nhưng do điều kiện kinh tế hiện khó khăn không có tiền để trả Ngân hàng nên đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định.

Tại biên bản lấy lời khai bà Trần Thị Q1 (mẹ đẻ anh Q) trình bày: Anh Q chị N hiện đi làm xa thi thoảng mới về nhà. Anh Q, chị N có ký kết hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp với ngân hàng X còn cụ thể nội dung như thế nào bà không nắm được. Sau khi vay tiền do kinh tế khó khăn nên dẫn đến không có khả năng trả nợ. Nhà đất trên thuộc quyền quản lý sử dụng của anh chị, không tranh chấp với ai.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ: Xác định thửa đất 65, tờ bản đồ số: 25, địa chỉ: Thôn V, xã V1, huyện V2 diện tích 215m² thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, 38m² ngõ đi chung, diện tích ngoài giấy chứng nhận là 115m²; 01 nhà một tầng mái thái diện tích 102,8m², 01 nhà một tầng diện tích 23,1m².

Kết quả xác minh tại thôn V, UBND xã V1 thể hiện: Anh Q, chị N đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn V. Thửa đất số 65 tờ bản đồ 25 thuộc quyền quản lý sử dụng và ngôi nhà thuộc quyền sở hữu của anh Q, chị N, không vi phạm quy hoạch, không có tranh chấp.

Xác minh tại Cục quản lý xuất nhập cảnh thể hiện chưa có thông tin xuất nhập cảnh của anh Q, chị N.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40; Điều 147, điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 116, 117, 466 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 91 và khoản 2, khoản 4 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng X. Buộc anh Lê Văn Q và chị Trần Thị N phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng X số tiền nợ theo hợp đồng tín dụng số 28/HĐTD ngày 26/9/2016 với số tiền tính đến ngày 07/5/2024 là 1.562.367.746đ, trong đó nợ gốc là 787.000.000đ, lãi trong hạn là 390.745.542đ, lãi quá hạn là 384.622.204đ. Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, anh Q và chị N còn phải tiếp tục chịu khoản

tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kết.

- Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật anh Q, chị N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng X được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng thửa đất số 65, tờ bản đồ số 25 và tài sản gắn liền với đất; Địa chỉ: Thôn V, xã V1, huyện V2, tỉnh Hải Dương để thu hồi nợ. Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ cho anh Q, chị N tại Ngân hàng X. Trường hợp nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán hết nợ thì anh Q, chị N vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng X. Số tiền còn thừa sẽ được trả lại cho anh Q, chị N.

- Về chi phí thẩm định tài sản: Anh Q, chị N phải chịu chi phí thẩm định theo quy định.

- Về án phí: Buộc anh Lê Văn Q và chị Trần Thị N phải chịu toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm. Hoàn lại Ngân hàng X số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tranh chấp phát sinh tại Ngân hàng hợp tác xã chi nhánh Hải Dương. Do vậy quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là anh Q, chị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do vậy, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt anh Q, chị N là phù hợp quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng hợp tác xã:

- Về số tiền nợ và nghĩa vụ trả nợ: Ngân hàng hợp tác xã yêu cầu anh Q, chị N phải thanh toán khoản tiền gốc, lãi theo hợp đồng tín dụng số 28/HĐTD ngày 26/9/2016, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hợp đồng tín dụng nêu trên đã được các bên giao kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 116, Điều 117 Bộ luật dân sự nên có giá trị pháp lý làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia giao kết hợp đồng. Sau khi giao kết hợp đồng, phía Ngân hàng đã giải ngân cho anh Q, chị N số tiền vay 1.000.000.000đ. Quá trình thực hiện hợp đồng đã trả được 213.000.000đ tiền gốc và 36.800.000đ tiền lãi. Tính đến ngày 07/5/2024, anh Q, chị N còn nợ Ngân hàng số tiền 1.562.367.746đ, trong đó nợ gốc là 787.000.000đ, lãi trong hạn là 390.745.542đ, lãi quá hạn là 384.622.204đ. Chị N nhất trí về số tiền gốc lãi ngân hàng yêu cầu nhưng chị xác định do làm ăn khó khăn nên chưa trả được Ngân hàng. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của ngân hàng, buộc anh Q, chị N phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng X toàn bộ số

tiền trên. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, anh Q, chị N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ đã ký kết.

- Đối với yêu cầu về xử lý tài sản thế chấp: HĐXX thấy rằng giữa Ngân hàng và anh Q, chị N đã ký kết hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1340/2018/HĐTC với nội dung thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 65, tờ bản đồ số: 25, địa chỉ: Thôn V, xã V1, huyện V2, tỉnh Hải Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC334434, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 00644 do UBND huyện V2, tỉnh Hải Dương cấp ngày 16/9/2016 cho anh Lê Văn Q và chị Trần Thị N để đảm bảo cho toàn bộ nghĩa vụ của anh Q, chị N theo hợp đồng tín dụng nêu trên tại Ngân hàng X. Hợp đồng thế chấp đã được công chứng tại Văn phòng công chứng Bình Minh ngày 26/9/2016. Được đăng ký thế chấp tại văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất UBND huyện V2, tỉnh Hải Dương ngày 26/9/2016.

Kết quả xác minh về tài sản thế chấp tại chính quyền địa phương xác định tài sản thế chấp thuộc quyền quản lý sử dụng của anh Q, chị N hiện vẫn còn nguyên vẹn, không tranh chấp với ai, chưa chuyển dịch cho ai phù hợp với lời khai của người thế chấp. Hợp đồng thế chấp trên được công chứng hợp lệ và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật nên hoàn toàn hợp pháp. Việc thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký thế chấp tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Do vậy yêu cầu của Ngân hàng hợp tác xã về việc trường hợp anh Q, chị N không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ, đề nghị tuyên Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ. Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ cho anh Q, chị N với Ngân hàng. Trường hợp nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản thế chấp không đủ để thanh toán hết nợ thì anh Q, chị N vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng là có cơ sở chấp nhận.

Về chi phí thẩm định tài sản: Ngân hàng đã nộp 5.000.000đ tạm ứng chi phí thẩm định tài sản và yêu cầu anh Q, chị N phải hoàn trả Ngân hàng số tiền này là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng hợp tác xã được chấp nhận nên không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp, anh Q, chị N phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với mức theo quy định là $36.000.000đ + 3\%$ số tiền vượt quá $800.000.000đ = 58.871.032đ$ (làm tròn là 58.871.000đ).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40; Điều 147, Điều 157; điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 116, 117, 466 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 91 và khoản 2, khoản 4 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng X.

- Về số tiền nợ và nghĩa vụ trả nợ: Buộc anh Lê Văn Q và chị Trần Thị N phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng X số tiền nợ theo hợp đồng tín dụng số 28/HĐTD ngày 26/9/2016 với số tiền tính đến ngày 07/5/2024 là 1.562.367.746đ (Một tỉ, năm trăm sáu mươi hai triệu, ba trăm sáu mươi bảy nghìn, bảy trăm bốn mươi sáu đồng) trong đó nợ gốc là 787.000.000đ, lãi trong hạn là 390.745.542đ, lãi quá hạn là 384.622.204đ.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, anh Lê Văn Q và chị Trần Thị N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kết.

- Về xử lý tài sản thế chấp: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật anh Lê Văn Q, chị Trần Thị N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng X được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng thửa đất số 65, tờ bản đồ số 25 và tài sản gắn liền với đất là 01 nhà ở riêng lẻ diện tích 81,4m² (đo đạc thực tế có diện tích 102,8m²), 01 nhà ở riêng lẻ diện tích 23m² (đo đạc thực tế có diện tích 23,1m²); Địa chỉ: Thôn V, xã V1, huyện V2, tỉnh Hải Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC334434, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 00644 do UBND huyện V2, tỉnh Hải Dương cấp ngày 16/9/2016 cho anh Lê Văn Q và chị Trần Thị N theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng và tài sản gắn liền với đất số 28/HĐTC ngày 26/9/2016.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ cho anh Q, chị N tại Ngân hàng X. Trường hợp nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán hết nợ thì anh Q, chị N vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng X.

2. Về chi phí thẩm định tài sản: Anh Lê Văn Q, chị Trần Thị N phải chịu 5.000.000 đ tiền chi phí xem xét thẩm định tài sản. Ngân hàng đã nộp tạm ứng nên anh Q, chị N phải trả Ngân hàng số tiền 5.000.000đ chi phí xem xét thẩm định tài sản.

3. Về án phí: Buộc anh Lê Văn Q và chị Trần Thị N phải chịu 58.871.000đ (Năm mươi tám triệu, tám trăm bảy mươi một nghìn đồng) án phí Dân sự sơ thẩm. Hoàn lại Ngân hàng X số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 27.670.000đ (Hai mươi bảy triệu, sáu trăm bảy mươi nghìn đồng), được thể hiện tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002810 ngày 12/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP Hải Dương;
- Chi cục THADS TP Hải Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhan

